

Số: TVHN-243/DBQG

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2025

## BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN

### I. Diễn biến xu thế thủy văn

#### 1. Lưu vực sông Hồng

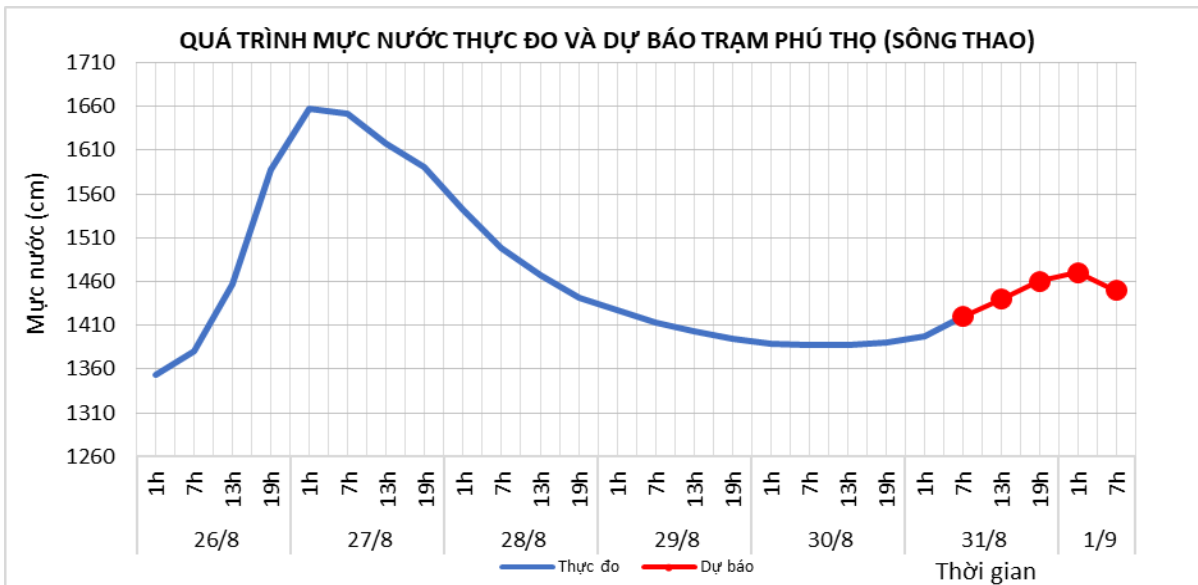
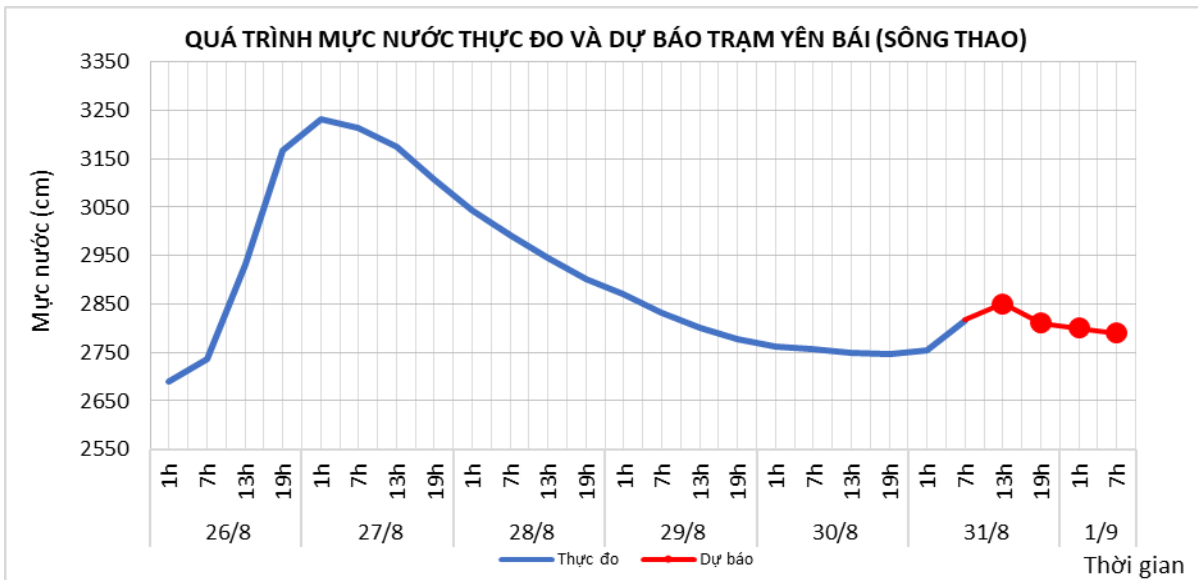
##### 1.1. Sông Thao

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ đang biến đổi chậm.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ biến đổi chậm với xu thế lên trong 6-12 giờ đầu sau biến đổi chậm với xu thế xuống.



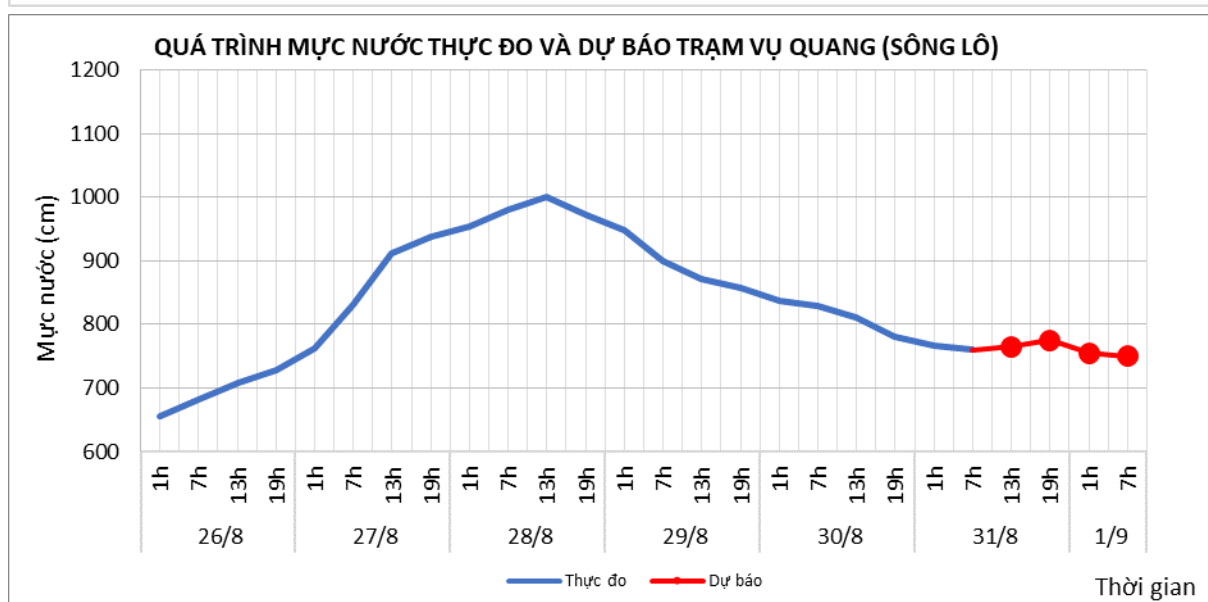
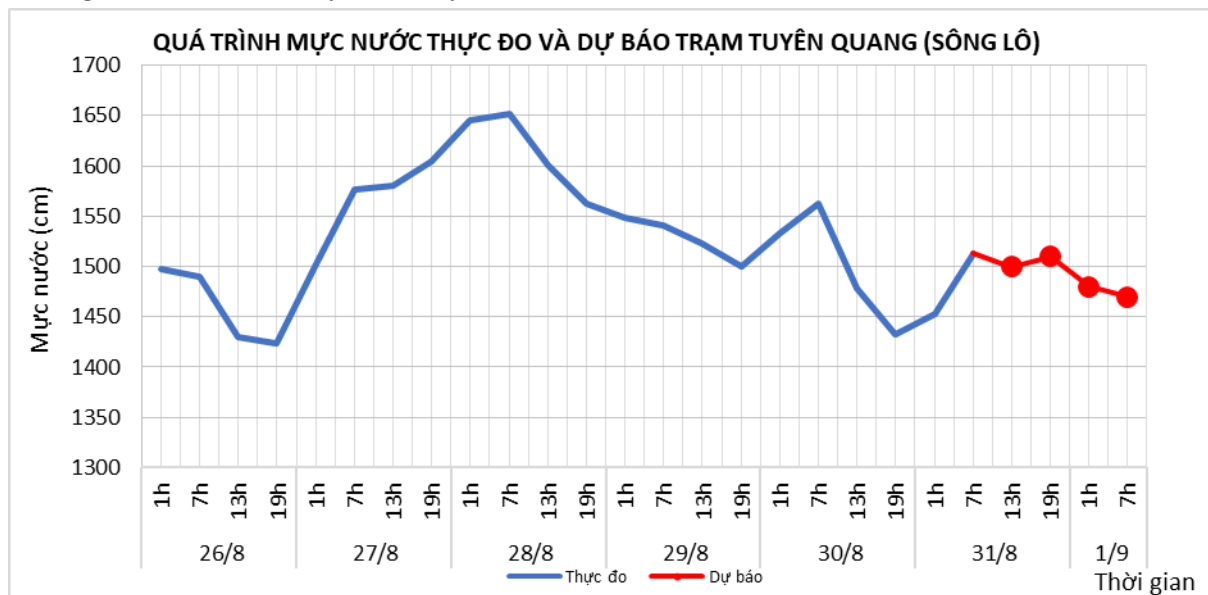
## 1.2. Sông Lô

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang biến đổi chậm và ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, Vụ Quang biến đổi chậm và ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên.



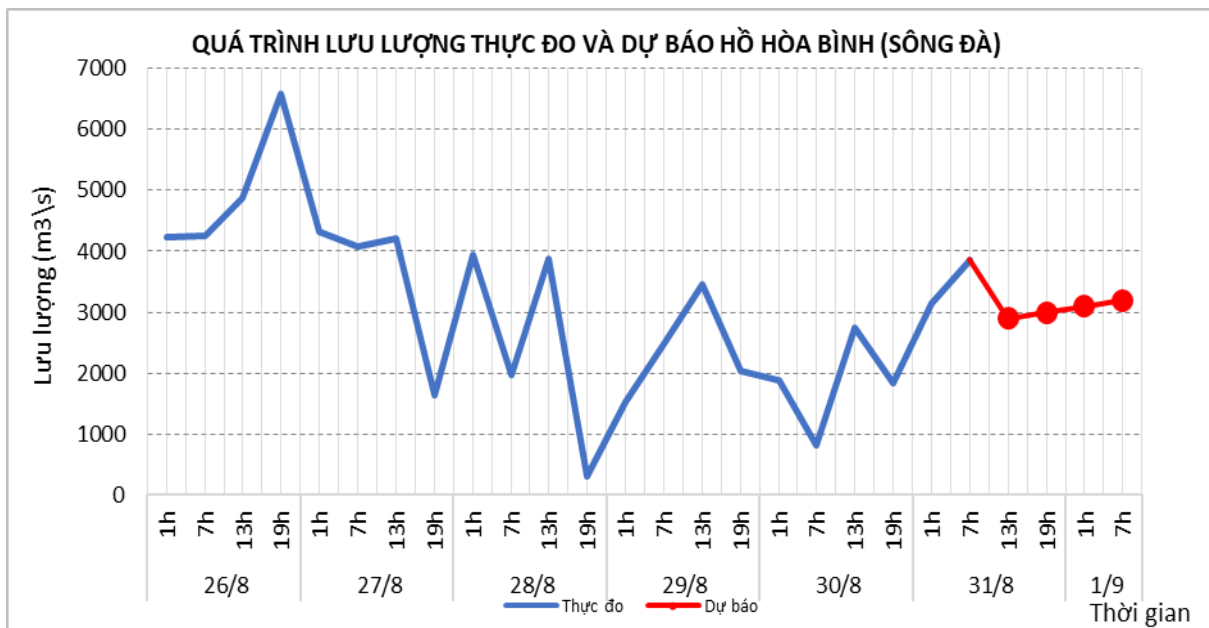
## 1.3. Sông Đà

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên.



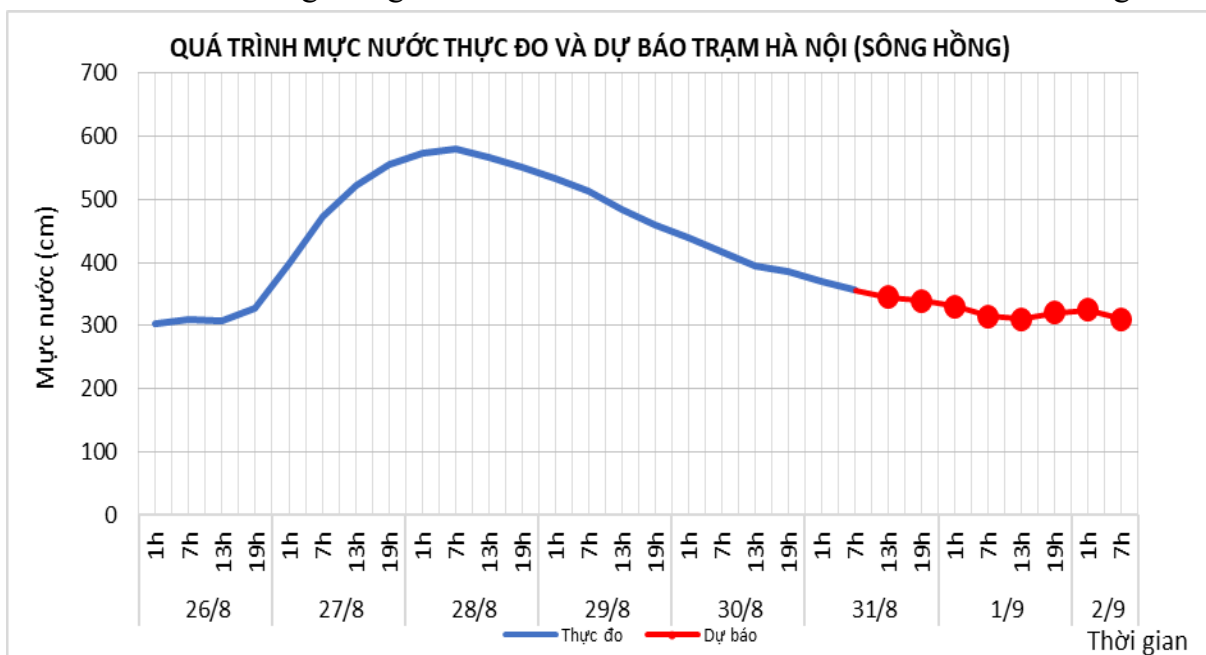
## 1.4. Sông Hồng

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội đang xuống chậm.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm theo xu thế xuống.



## 2. Lưu vực sông Thái Bình

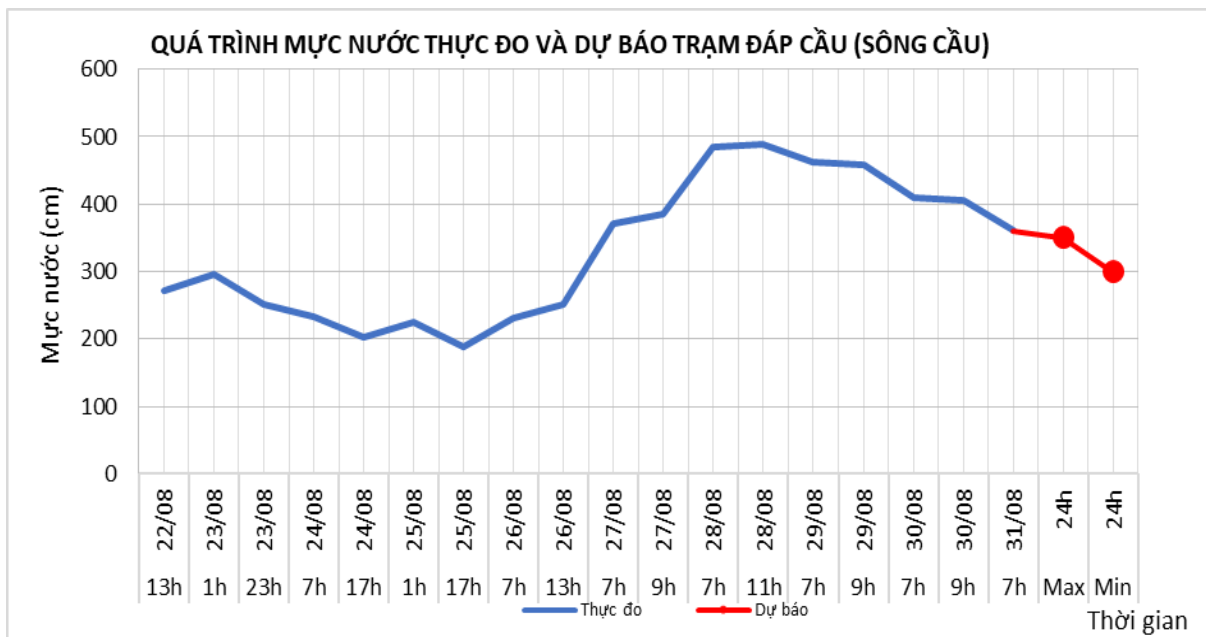
### 2.1. Sông Cầu

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước các trạm trên sông Cầu đang xuống.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Cầu tiếp tục xuống.



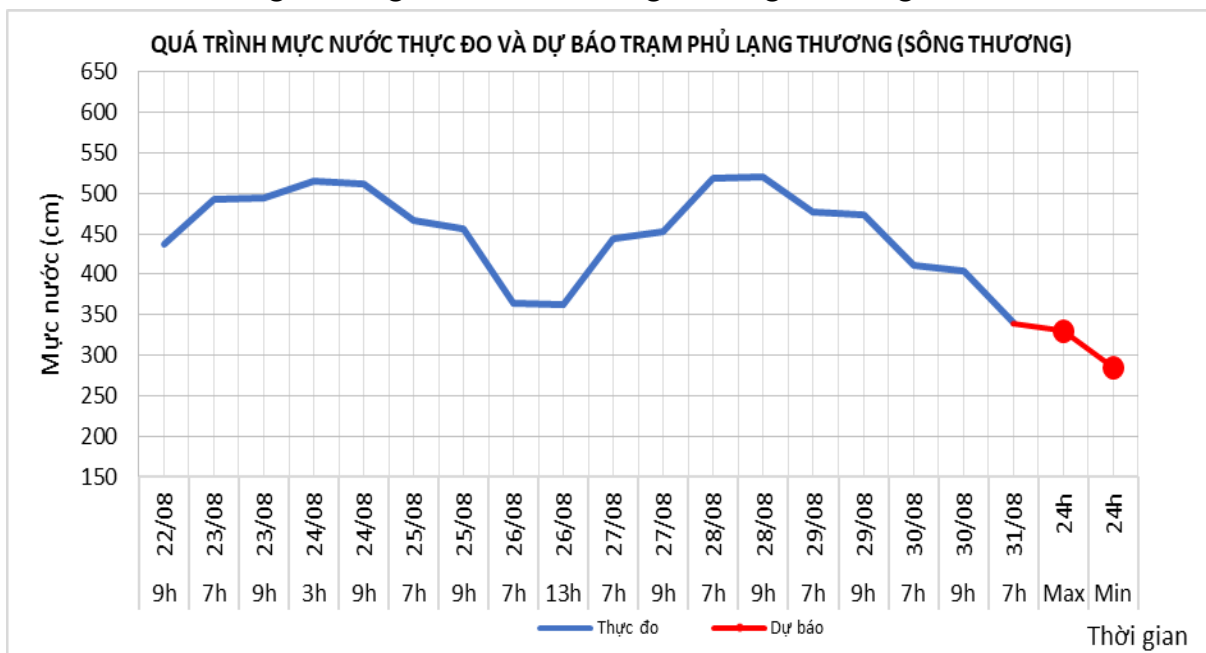
## 2.2. Sông Thương

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lũ trên sông Thương đang xuống.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương sẽ xuống chậm.



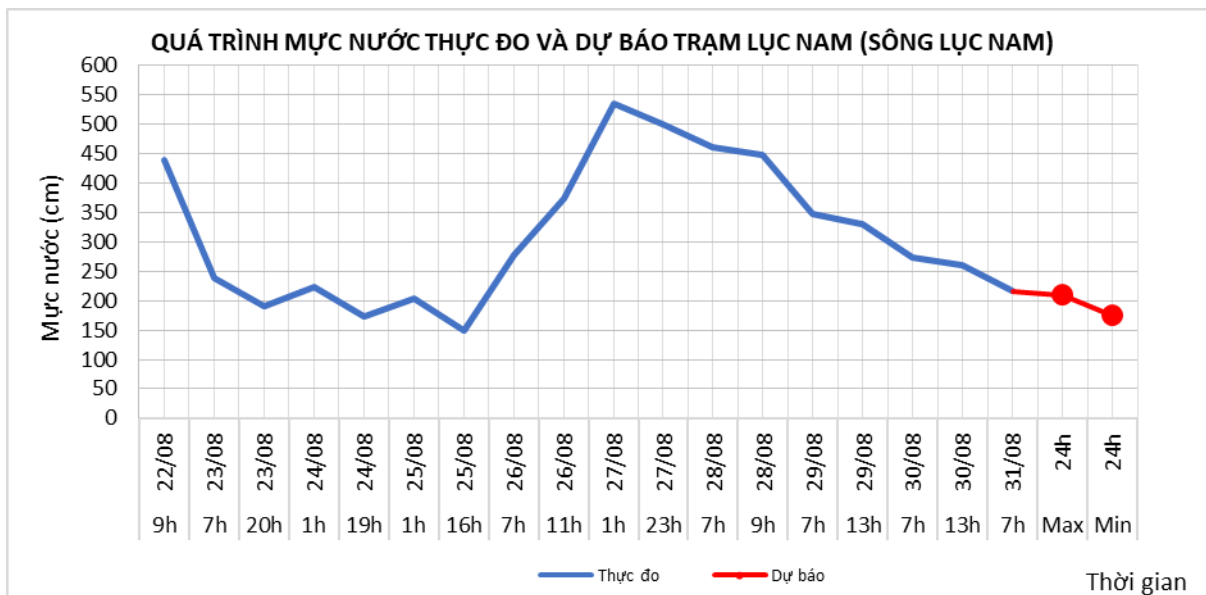
## 2.3. Sông Lục Nam

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lũ trên sông Lục Nam đang xuống.

b. Dự báo, cảnh báo

Lũ trên sông Lục Nam tiếp tục xuống.



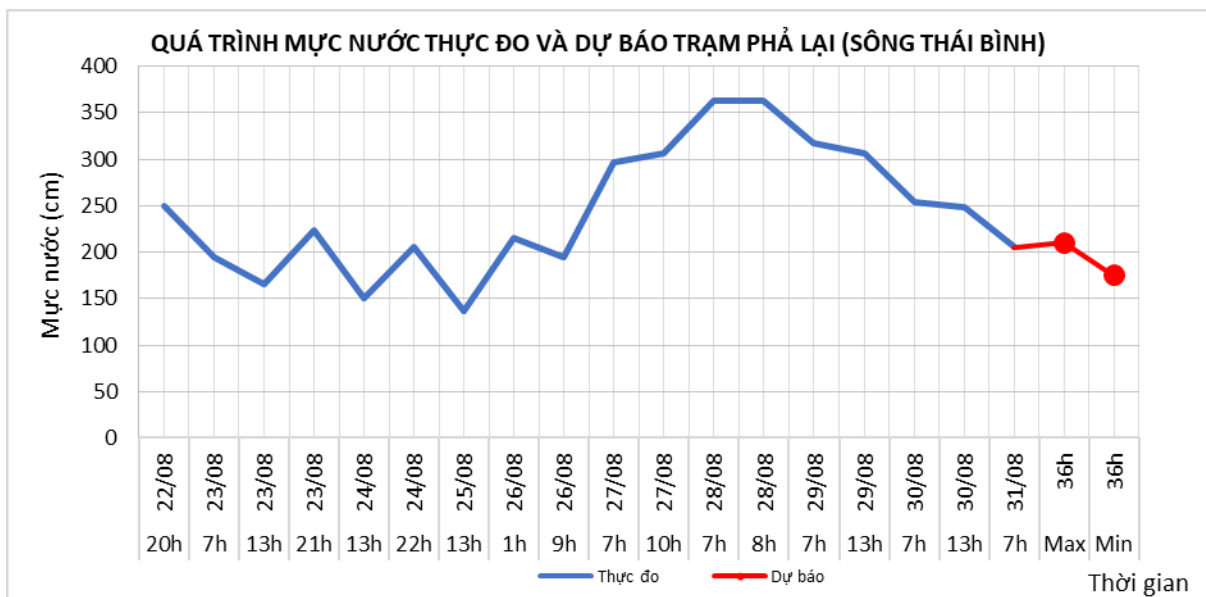
## 2.4. Sông Thái Bình

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Thái Bình tại trạm Phả Lại đang xuống.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục xuống, sau biến đổi chậm. Trong 36h tới, mức nước tại trạm Phả Lại dự báo cao nhất là 2,10m, thấp nhất là 1,75m.



## 3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

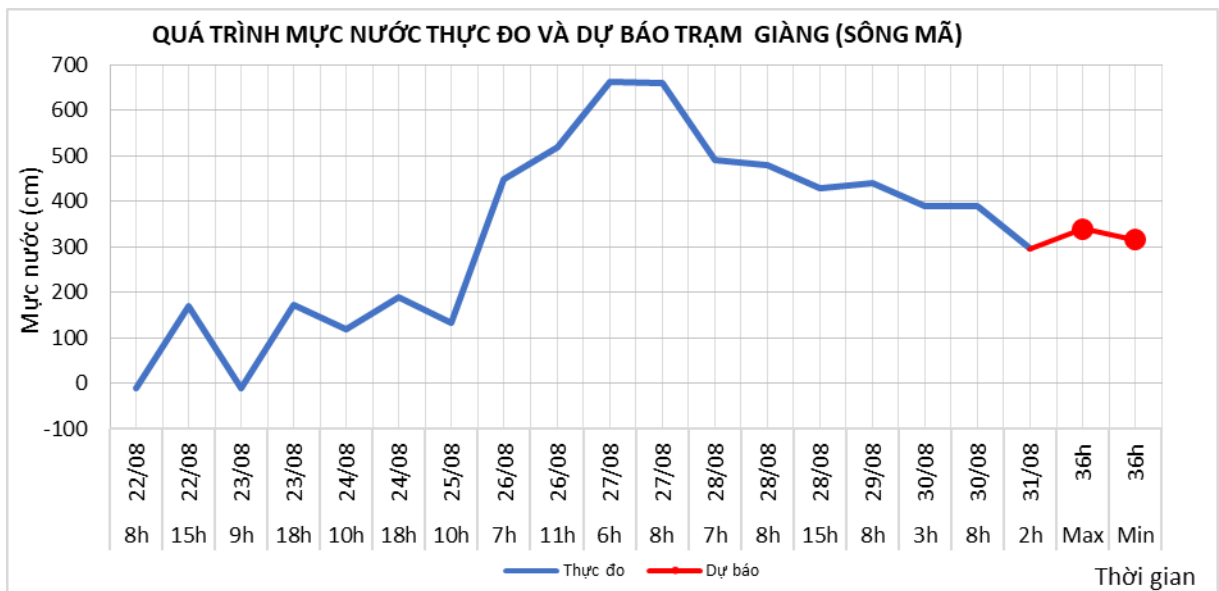
### 3.1. Sông Mã

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông Mã biến đổi chậm; trung, hạ lưu có dao động.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu sông Mã biến đổi chậm; trung, hạ lưu tiếp tục có dao động.



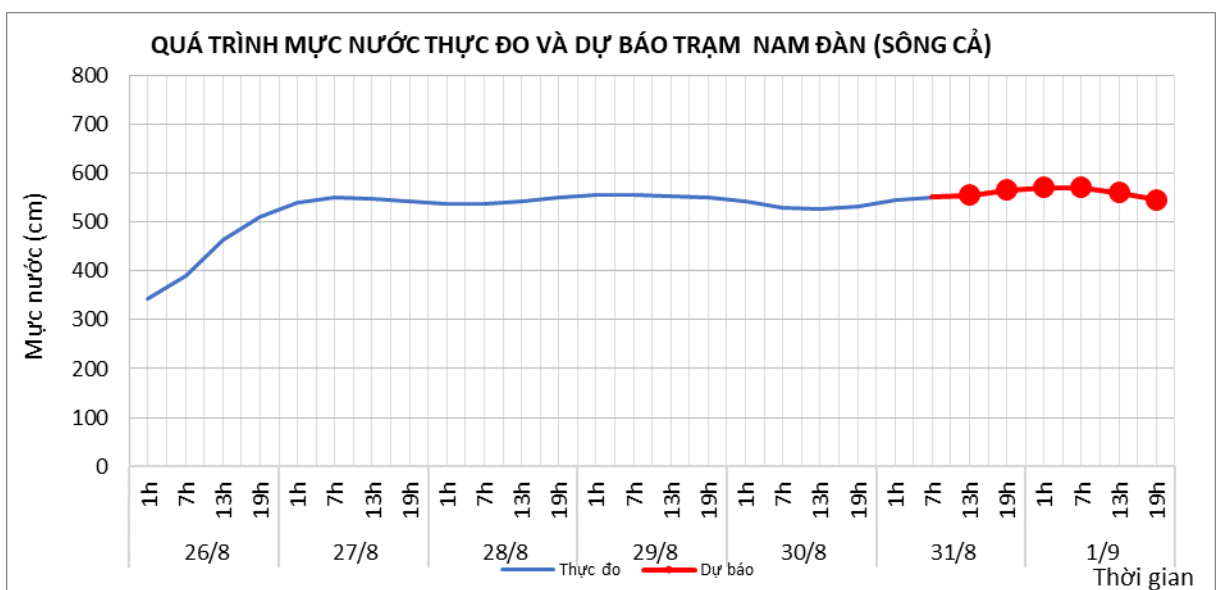
### 3.2. Sông Cả

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Cả đang lên.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Trong 24 giờ tới, lũ trên sông Cả sẽ đạt đỉnh và xuống dần; mức nước đỉnh lũ tại các trạm trung thượng lưu ở mức BĐ1-BĐ2, có nơi trên BĐ2; tại các trạm hạ lưu dao động trên mức BĐ1.



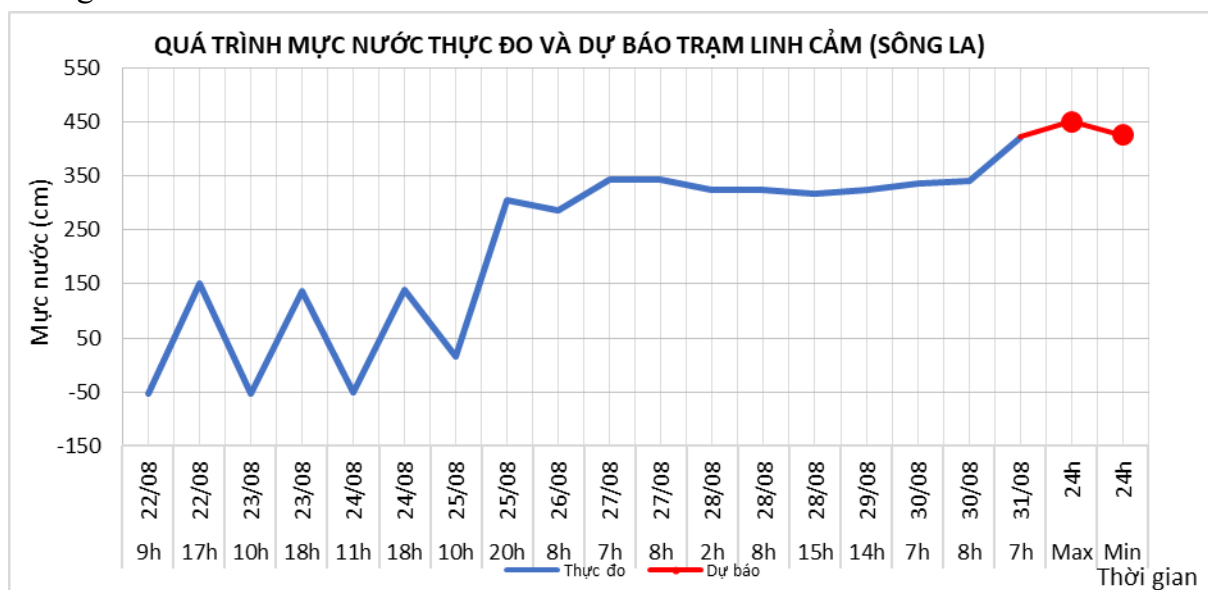
### 3.3. Sông La

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 24 giờ qua, trên sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố đã xuất hiện 01 đợt lũ, đỉnh lũ trên sông Ngàn Sâu tại trạm Chu Lễ 12,60m (22h ngày 30/8), trên BĐ2 0,10m; sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm 12,11m (21h ngày 30/8), trên BĐ2 0,61m. Sáng nay (31/8), mức nước sông Ngàn Phố đang xuống, hạ lưu sông Ngàn Sâu, sông La đang lên. Mức nước lúc 7h ngày 31/8, trên sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt 7,75m, trên BĐ1 0,25m; sông La tại trạm Linh Cảm 4,22m, dưới BĐ1 0,28m.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Trong 24 giờ tới, mực nước hạ lưu sông Ngàn Sâu tiếp tục lên và dao động trên mức BĐ1; hạ lưu sông La tại trạm Linh Cảm dao động ở mức BĐ1; sông Ngàn Phố tiếp tục xuống.



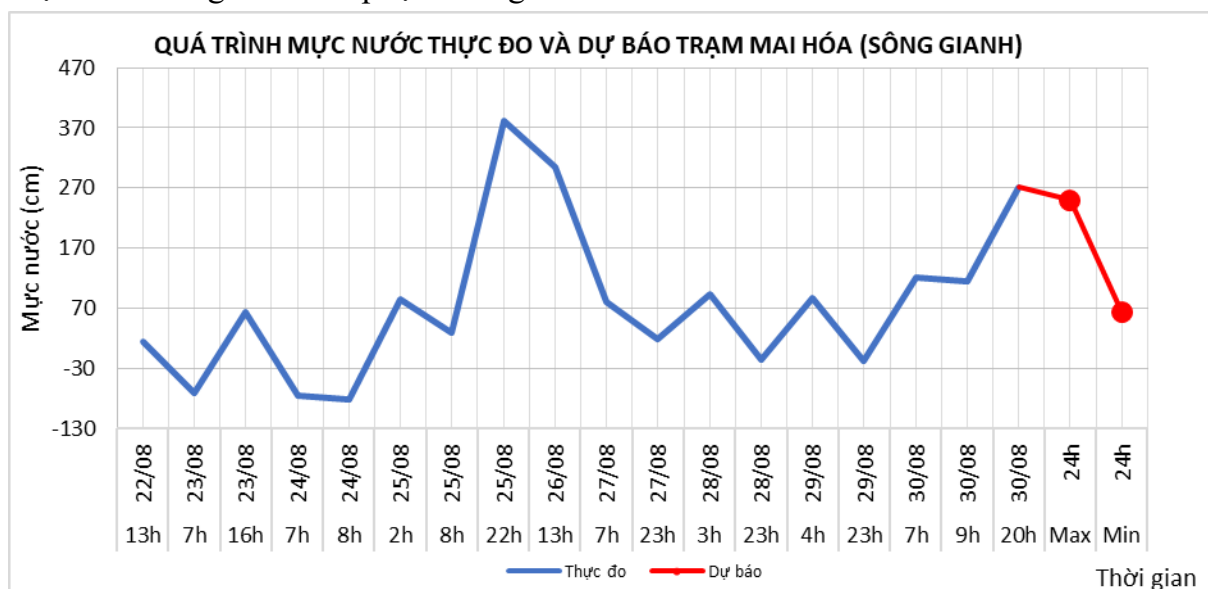
### 3.4. Sông Gianh

*a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Lũ trên sông Gianh đã đạt đỉnh và đang xuống. Đỉnh lũ tại trạm Đồng Tâm là 10,78m(19h/30/08), dưới BĐ2 2,22m; tại trạm Mai Hóa là 2,71m (20h/30/08), còn dưới BĐ1.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mực nước sông Gianh tiếp tục xuống.



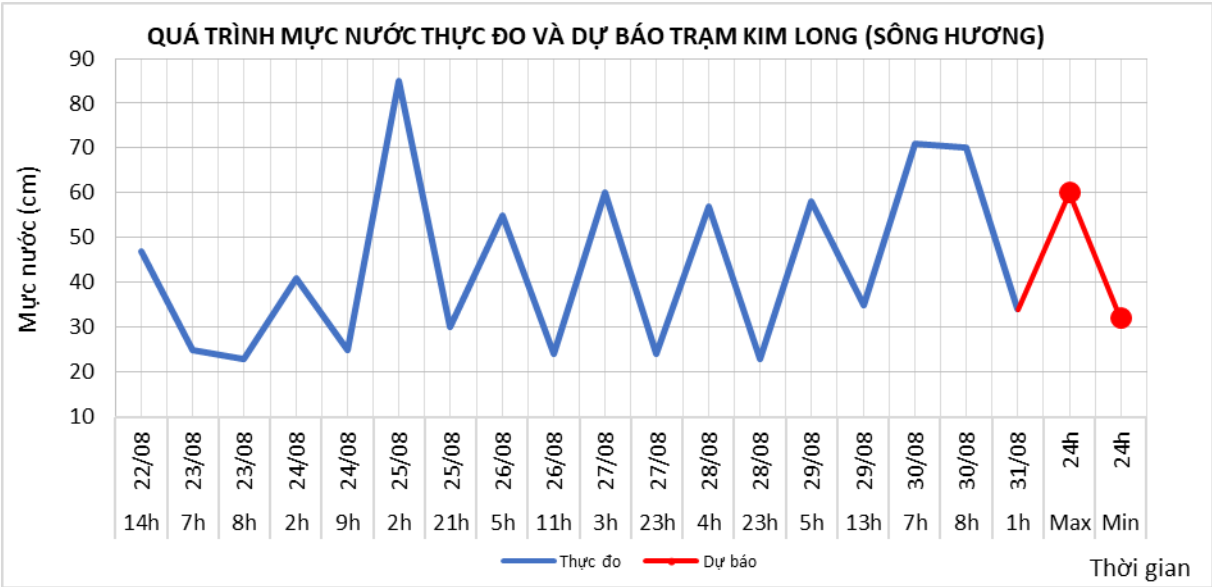
### 3.5. Sông Hương

*a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Mực nước trên sông Hương có dao động .

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mức nước trên sông Hương có dao động.



**4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ**

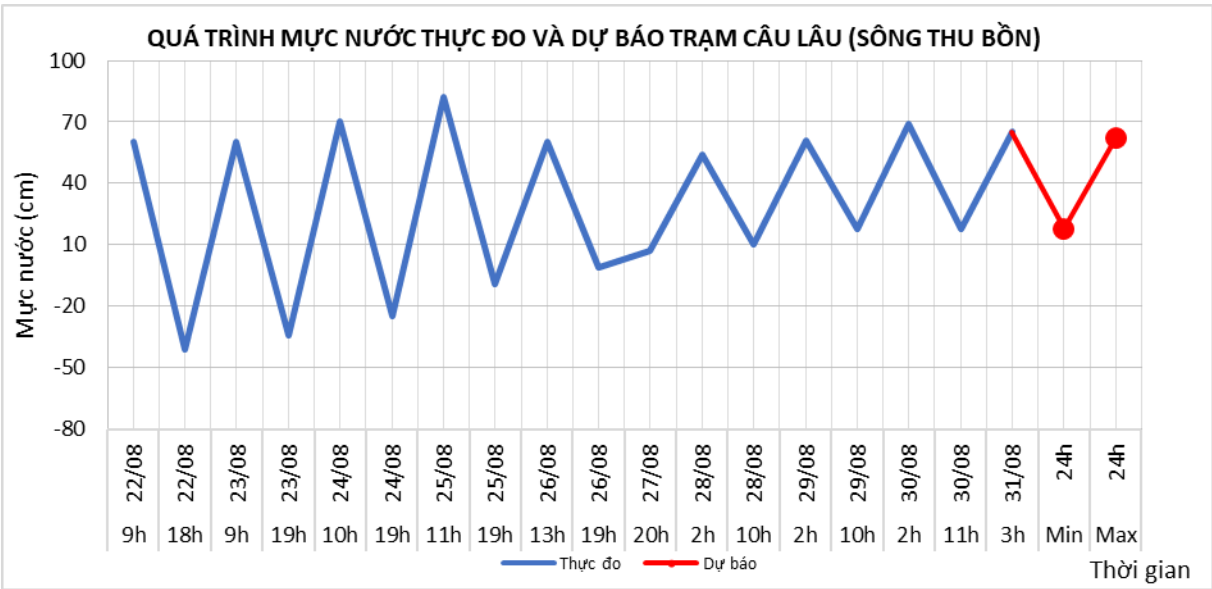
**4.1. Sông Vu Gia Thu Bồn**

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Vu Gia và trung, thượng lưu sông Thu Bồn biến đổi chậm; hạ lưu sông Thu Bồn dao động theo triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Vu Gia và trung, thượng lưu sông Thu Bồn biến đổi chậm; hạ lưu sông Thu Bồn dao động theo triều.



**4.2. Sông Trà Khúc**

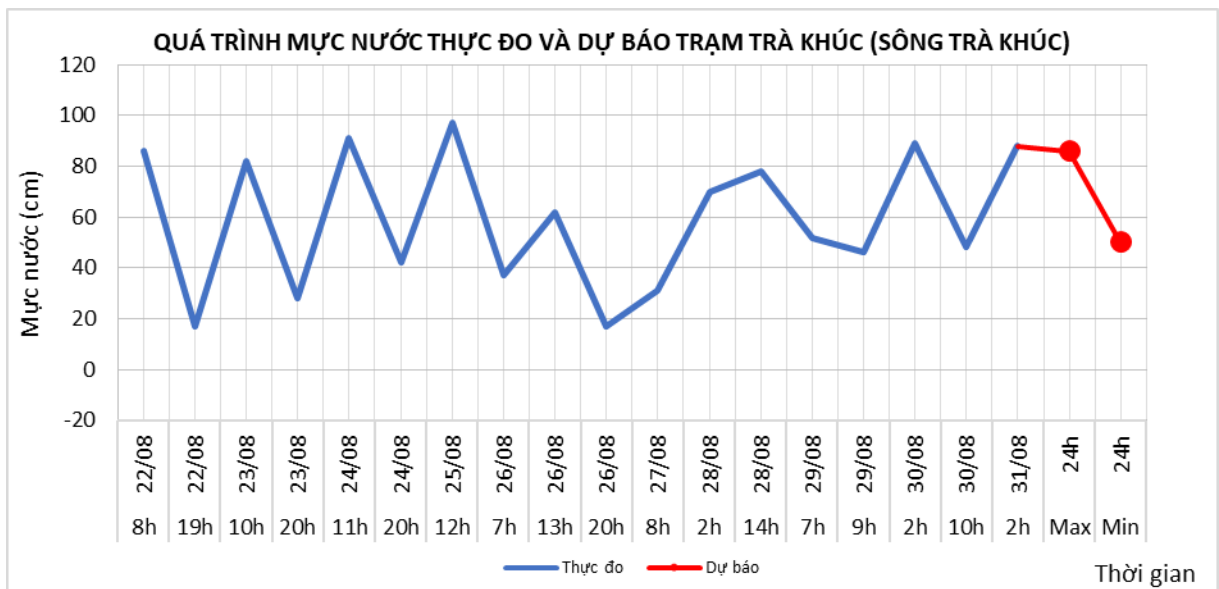
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông Trà Khúc biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu sông Trà Khúc biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo triều.





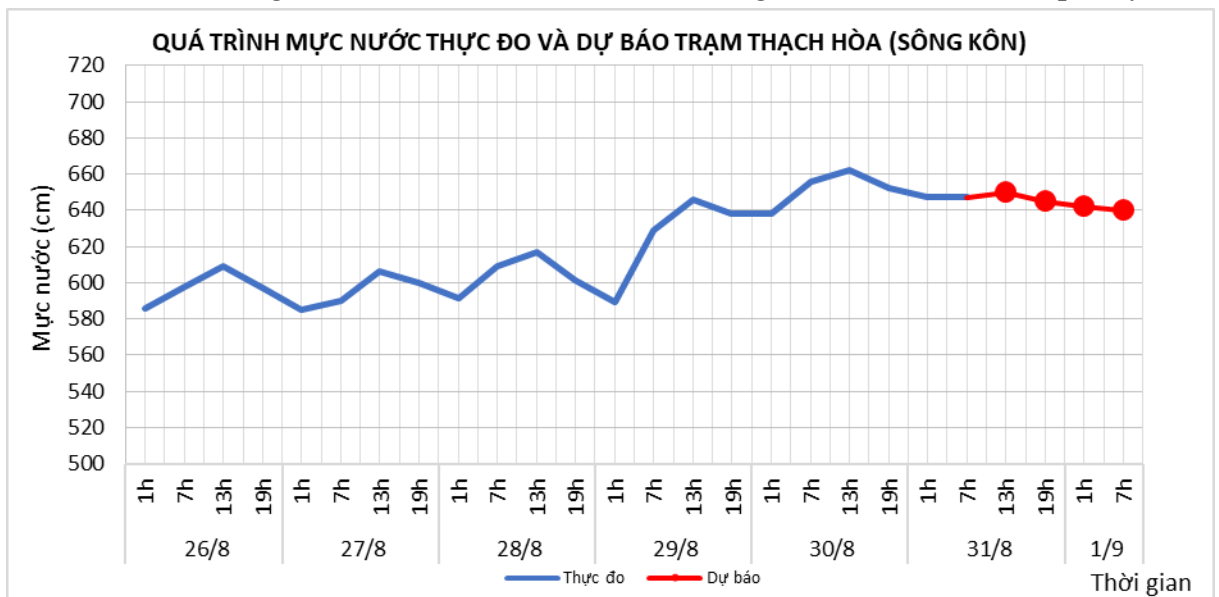
### 4.3. Sông Kôn

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi.



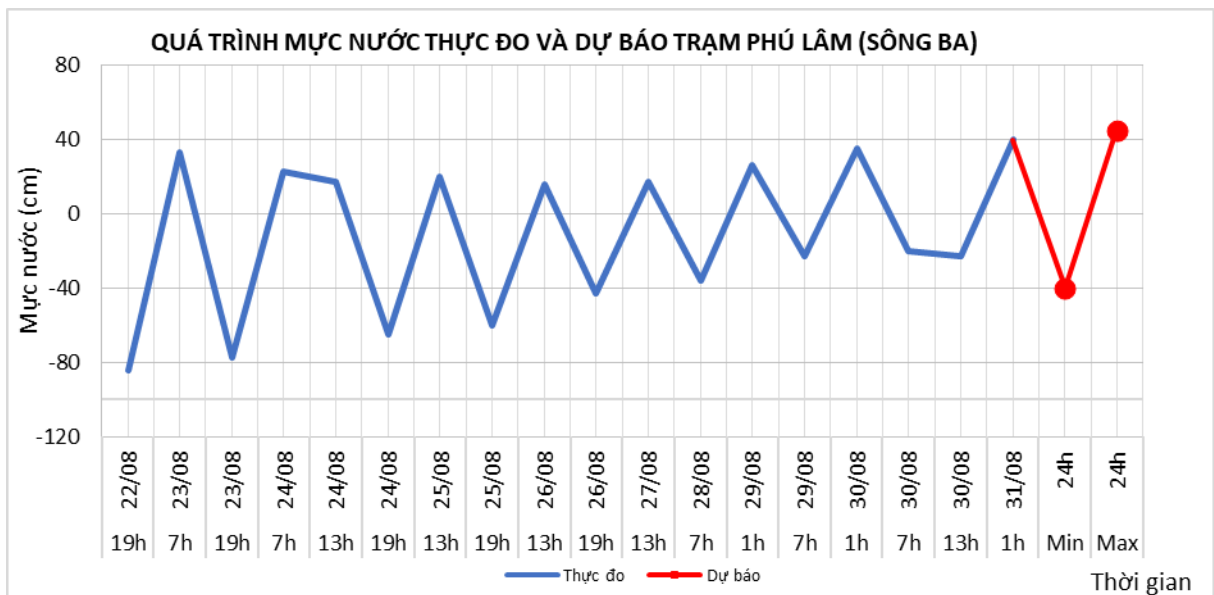
### 4.4. Sông Ba

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu trên sông Ba tại trạm Phú Lâm dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu trên sông Ba tại trạm Phú Lâm tiếp tục dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.



## 5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

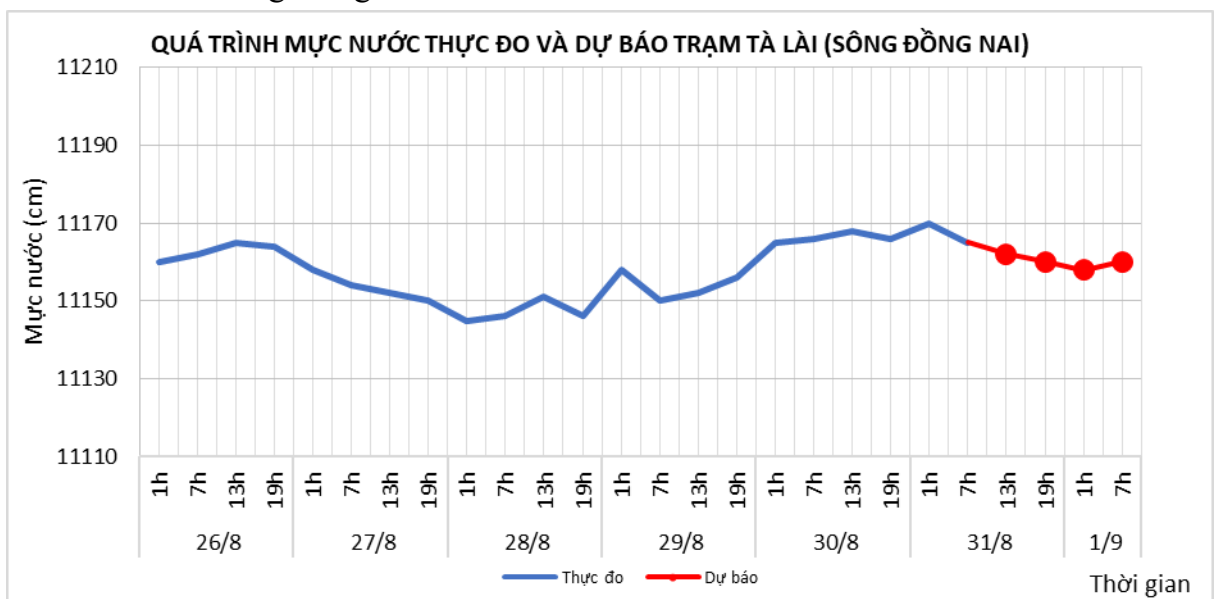
### 5.1. Sông Đồng Nai

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài biến đổi chậm.



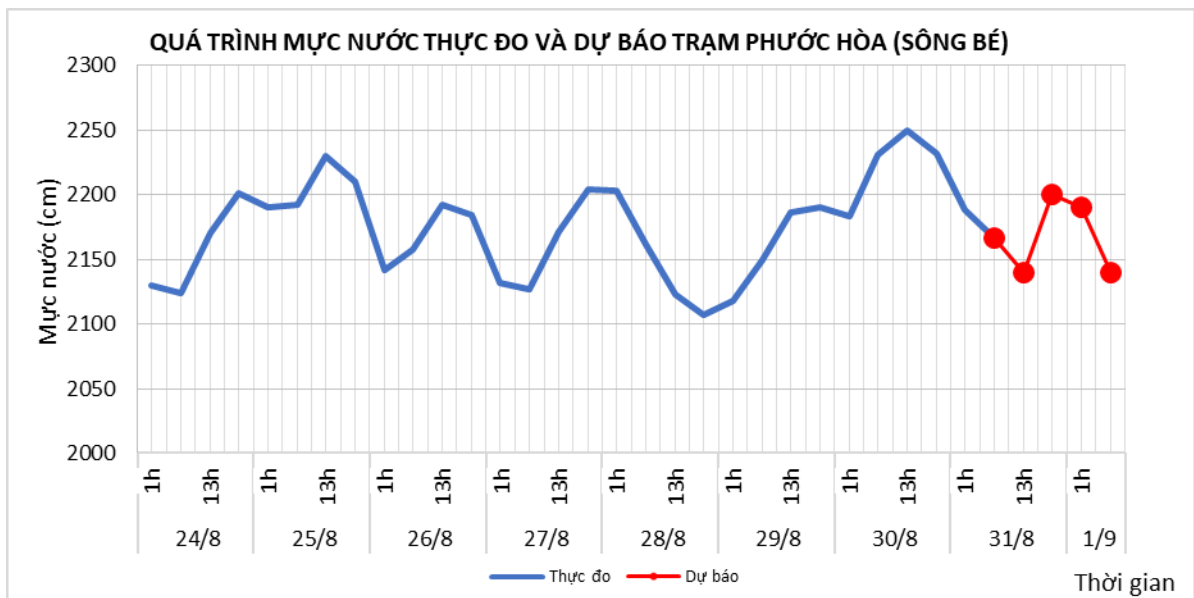
### 5.2. Sông Bé

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa dao động theo điều tiết của hồ chứa.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa dao động theo điều tiết của hồ chứa.



## 6. Lưu vực sông Mê Công

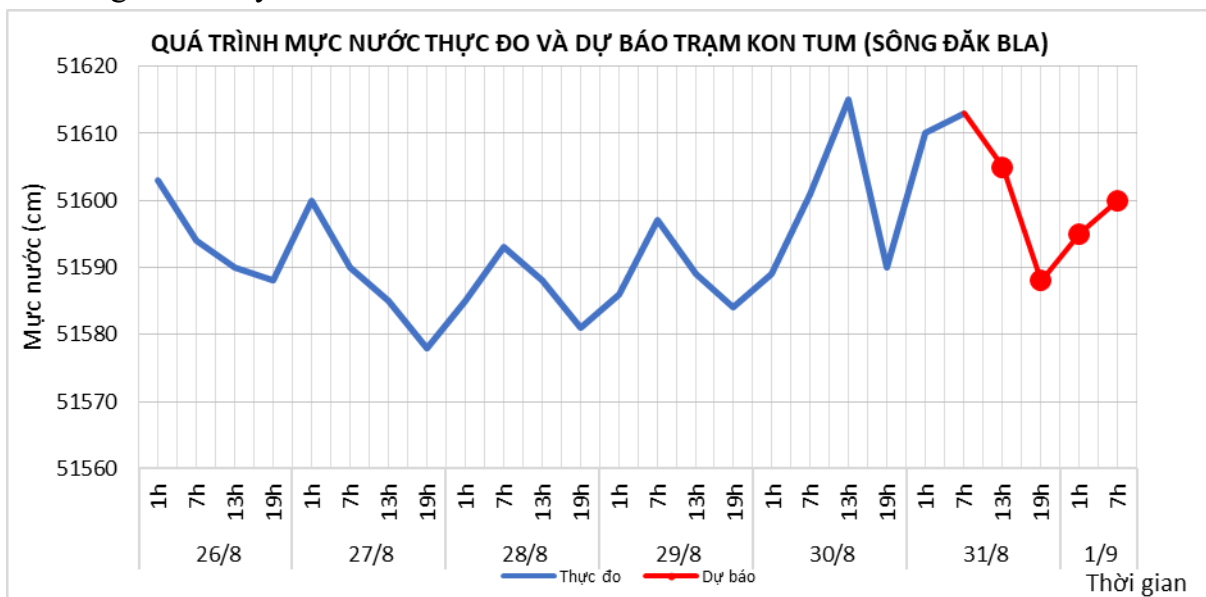
### 6.1. Sông Đắk Bla

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông dao động theo vận hành của các hồ chứa.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên các sông dao động do ảnh hưởng vận hành của hồ chứa thủy điện và các công trình thủy lợi.



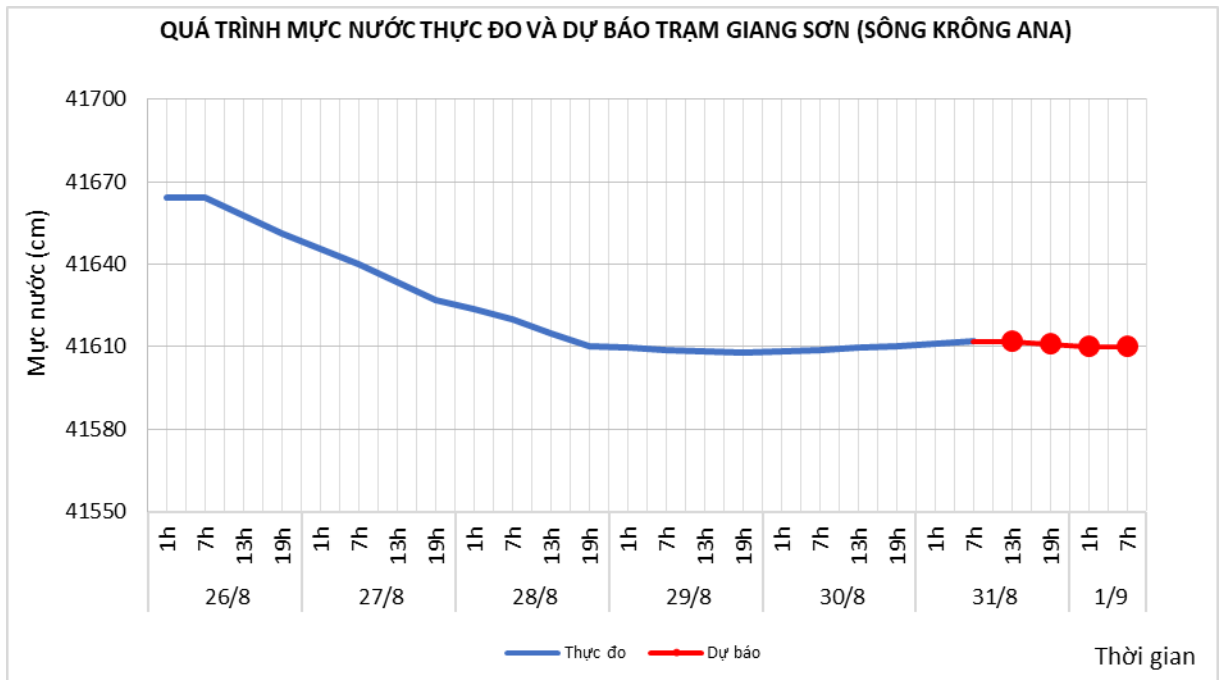
### 6.2. Sông Krông Ana

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Krông Ana biến đổi chậm. Mức nước các sông khác dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm. Mức nước các sông khác dao động theo điều tiết của nhà máy thủy điện.



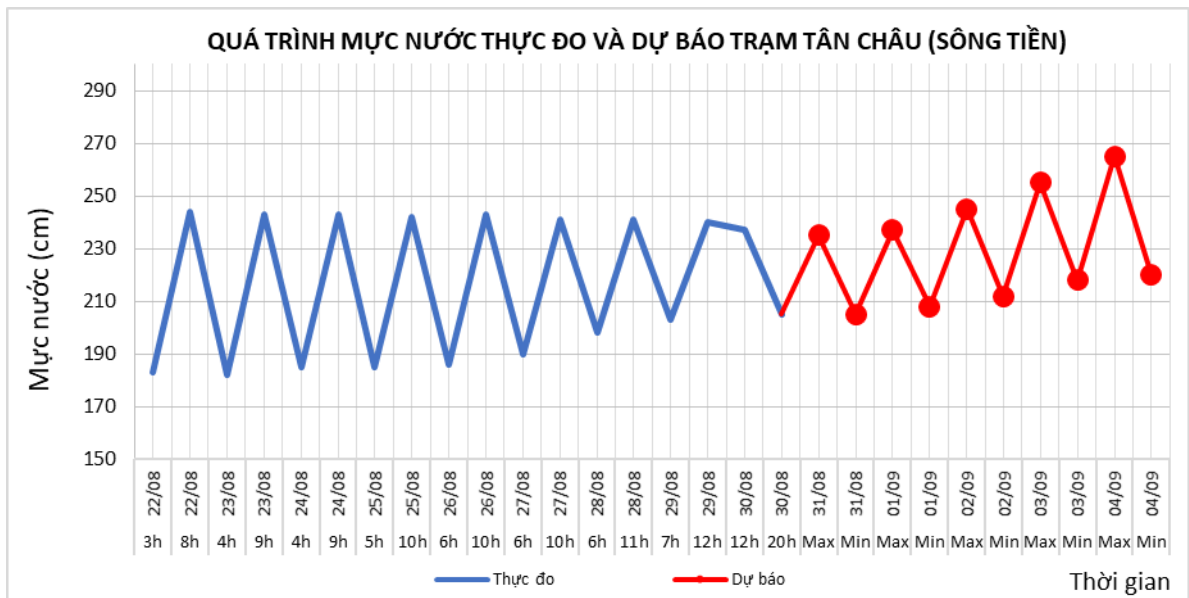
### 6.3. Sông Cửu Long

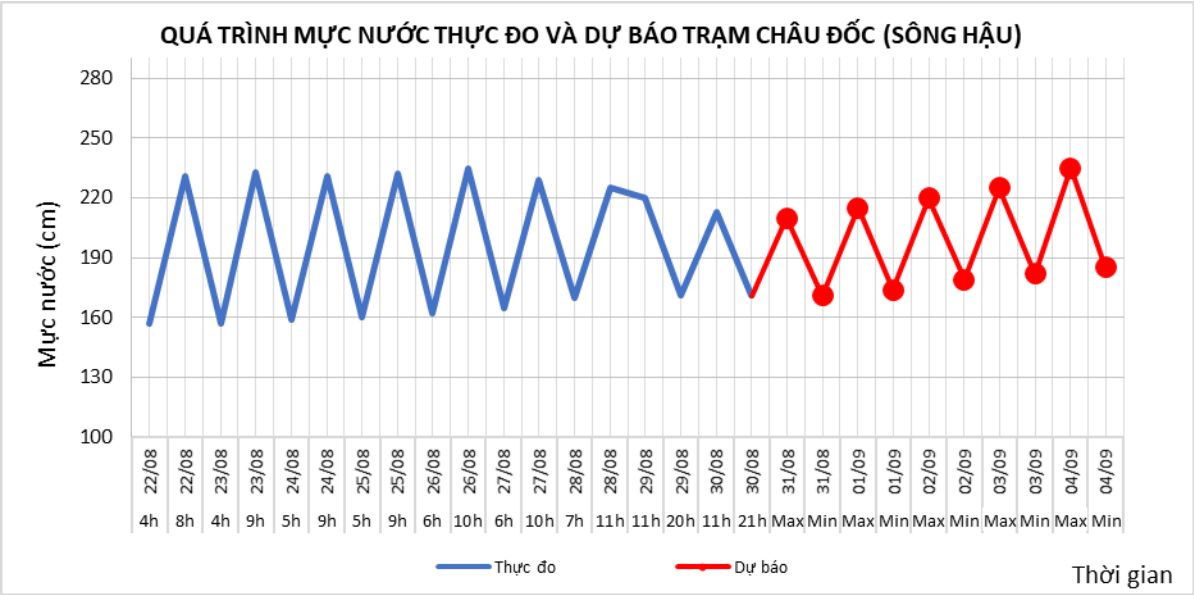
#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Mức nước cao nhất ngày 30/8 trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 2,37m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 2,13m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Đến ngày 04/9, mức nước cao nhất ngày tại trạm Tân Châu ở mức 2,65m, tại trạm Châu Đốc ở mức 2,35m.





II. Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

| Sông      | Trạm            | Mực nước thực đo (cm) |           |          |          | Mực nước dự báo (cm) |   |           |   |          |   |          |   |           |   |           |   |          |   |          |   |
|-----------|-----------------|-----------------------|-----------|----------|----------|----------------------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|-----------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|
|           |                 | 13h-30/08             | 19h-30/08 | 1h-31/08 | 7h-31/08 | 13h-31/08            |   | 19h-31/08 |   | 1h-01/09 |   | 7h-01/09 |   | 13h-01/09 |   | 19h-01/09 |   | 1h-02/09 |   | 7h-02/09 |   |
| Đà        | Hồ Hòa Bình (*) | 2756                  | 1837      | 3143     | 3866     | 2900                 | ↓ | 3000      | ↑ | 3100     | ↑ | 3200     | ↑ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Yên Bái         | 2750                  | 2747      | 2755     | 2817     | 2850                 | ↑ | 2810      | ↓ | 2800     | ↓ | 2790     | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Phủ Thọ         | 1387                  | 1390      | 1398     | 1420     | 1440                 | ↑ | 1460      | ↑ | 1470     | ↑ | 1450     | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Tuyên Quang     | 1478                  | 1433      | 1453     | 1513     | 1500                 | ↓ | 1510      | ↑ | 1480     | ↓ | 1470     | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Vụ Quang        | 810                   | 781       | 766      | 760      | 765                  | ↑ | 775       | ↑ | 755      | ↓ | 750      | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Hồng      | Hà Nội          | 395                   | 385       | 370      | 356      | 345                  | ↓ | 340       | ↓ | 330      | ↓ | 315      | ↓ | 310       | ↓ | 320       | ↑ | 325      | ↑ | 310      | ↓ |
| Cả        | Nam Đàn         | 527                   | 532       | 544      | 550      | 555                  | ↑ | 565       | ↑ | 570      | ↑ | 570      | → | 560       | ↓ | 545       | ↓ |          |   |          |   |
| Kôn       | Thanh Hòa       | 662                   | 652       | 647      | 647      | 650                  | ↑ | 645       | ↓ | 642      | ↓ | 640      | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đồng Nai  | Tà Lài          | 11168                 | 11166     | 11170    | 11165    | 11162                | ↓ | 11160     | ↓ | 11158    | ↓ | 11160    | ↑ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Bé        | Phước Hòa       | 2250                  | 2232      | 2188     | 2166     | 2140                 | ↓ | 2200      | ↑ | 2190     | ↓ | 2140     | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đăkbla    | Kon Tum         | 51615                 | 51590     | 51610    | 51613    | 51605                | ↓ | 51588     | ↓ | 51595    | ↑ | 51600    | ↑ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Krông Ana | Giang Sơn       | 41608                 | 41610     | 41612    | 41612    | 41612                | → | 41611     | ↓ | 41610    | ↓ | 41610    | → |           |   |           |   |          |   |          |   |

Ghi chú: (\*): Q m³/s

| Sông      | Trạm            | Thực đo 24h và 36h qua (cm) |   |                    |   | Dự báo 24h và 36h tới (cm) |   |                    |   |
|-----------|-----------------|-----------------------------|---|--------------------|---|----------------------------|---|--------------------|---|
|           |                 | Mực nước cao nhất           |   | Mực nước thấp nhất |   | Mực nước cao nhất          |   | Mực nước thấp nhất |   |
| Cầu       | Đáp Cầu         | 405                         | ↓ | 360                | ↓ | 350                        | ↓ | 300                | ↓ |
| Thương    | Phủ Lạng Thương | 405                         | ↓ | 340                | ↑ | 330                        | ↓ | 285                | ↓ |
| Lục Nam   | Lục Nam         | 261                         | ↓ | 216                | ↑ | 210                        | ↓ | 175                | ↓ |
| Thái Bình | Phả Lại (**)    | 290                         | ↓ | 205                | ↓ | 210                        | ↓ | 175                | ↓ |
| Mã        | Giàng (**)      | 412                         | ↓ | 296                | ↓ | 340                        | ↓ | 315                | ↑ |
| La        | Linh Cảm        | 422                         | ↑ | 340                | ↑ | 450                        | ↑ | 425                | ↑ |
| Gianh     | Mai Hóa         | 271                         | ↑ | 116                | ↑ | 250                        | ↓ | 65                 | ↓ |
| Hương     | Kim Long        | 70                          | ↓ | 34                 | ↓ | 60                         | ↓ | 32                 | ↓ |
| Thu Bồn   | Câu Lâu         | 65                          | ↓ | 18                 | → | 62                         | ↓ | 18                 | → |
| Trà Khúc  | Trà Khúc        | 88                          | ↓ | 48                 | ↑ | 86                         | ↓ | 50                 | ↑ |
| Đà Rằng   | Phú Lâm         | 40                          | ↑ | -23                | ↓ | 45                         | ↑ | -40                | ↓ |

Ghi chú: Các trạm (\*\*) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

| Sông      | Trạm     | Mức nước cao nhất ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   | Mức nước thấp ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|-----------|----------|------------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|--------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|
|           |          | Thực đo                |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   | Thực đo            |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|           |          | 30/08                  |   | 31/08  |   | 01/09 |   | 02/09 |   | 03/09 |   | 04/09 |   | 30/08              |   | 31/08  |   | 01/09 |   | 02/09 |   | 03/09 |   | 04/09 |   |
| Sông Tiền | Tân Châu | 237                    | 📉 | 235    | 📉 | 237   | 📈 | 245   | 📈 | 255   | 📈 | 265   | 📈 | 205                | 📉 | 205    | 📊 | 208   | 📈 | 212   | 📈 | 218   | 📈 | 220   | 📈 |
| Sông Hậu  | Châu Đốc | 213                    | 📉 | 210    | 📉 | 215   | 📈 | 220   | 📈 | 225   | 📈 | 235   | 📈 | 171                | 📈 | 171    | 📊 | 174   | 📈 | 179   | 📈 | 182   | 📈 | 185   | 📈 |

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 10h30’ ngày 01/09

Tin phát lúc: 10h30’

Người chịu trách nhiệm  
 ban hành bản tin

Phùng Tiên Dũng